

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 20/5/2024

V/v “Ly hôn giữa bà K với ông H”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Ngọc Hồng

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Âm - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yến K, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Số nhà A, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh H, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Số nhà D, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Bà K có mặt, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến K trình bày:

Bà và ông H kết hôn năm 1994, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường H1, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào năm 1994 do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Khoảng năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H không chăm lo cho gia đình. Bà và ông H đã ly thân với nhau từ tháng 8/2013 nay. Nay tình cảm giữa bà và ông H không còn nên bà xin ly hôn với ông H

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Yến D sinh ngày 11/02/1996 - đã trưởng thành và Lê Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 28/6/2012. Sau khi ly hôn bà K yêu cầu được nuôi cháu Đ và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập ông Lê Minh H tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Lê Minh H không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông H cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến K

- Về hôn nhân: bà K được ly hôn ông Lê Minh H
- Về con chung: bà K được trực tiếp nuôi con chung là Lê Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 28/6/2012. Ghi nhận bà K không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.
- Tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Minh H; quan hệ tranh chấp giữa bà K với ông H là tranh chấp ly hôn; hiện nay, ông H đang cư trú tại phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lê Minh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Lê Minh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà K và ông H tự nguyện kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường H1, thành phố B cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1994 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng: bà K cho rằng sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Khoảng năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H không chăm lo cho gia đình. Bà và ông H đã ly thân với nhau từ tháng 8/2013 nay. Nay tình cảm giữa bà và ông H không còn nên bà xin ly hôn với ông H. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà K và ông H nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà D1 Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K.

[2.2] Về con chung: bà K và ông H có 02 con chung tên Lê Thị Yến D sinh ngày 11/02/1996 - đã trưởng thành và Lê Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 28/6/2012. Con chung tên Lê Thị Yến D sinh ngày 28/6/2012 - đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà K yêu cầu sau khi ly hôn được nuôi cháu Lê Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 28/6/2012. Xét thấy, cháu Đ hiện đang sống với bà K, có cuộc sống sinh hoạt ổn định, cháu cũng có nguyện vọng được sống chung với bà K. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận việc bà K không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà K và ông H cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà K phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Yến K và ông Lê Minh H.

2. Về con chung: Con chung tên Lê Thị Yến D sinh ngày 11/02/1996 - đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao con chung là cháu Lê Nguyễn Hoàng Đ sinh ngày 28/6/2012 cho bà Nguyễn Thị Yến K trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà K không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000931 ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND Phường T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương